

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 90/2024/HSST
Ngày: 21/8/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh và bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 28/2024/TB-TĐTG ngày 12/7/2024 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa xét xử số 97/2024/TB-TĐTG ngày 02/8/2024 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Thị Như T**, sinh năm 1995 tại Phú Yên; Nơi ĐKNKTT: **Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên**; Chỗ ở hiện nay: **Tổ E, khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên**; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Cha: **Nguyễn T1**, sinh năm 1965 và mẹ: **Nguyễn Thị Kim L** (chết); Chồng: **Trần Quốc T2**, sinh năm 1984. Có 03 con riêng: lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2024. Có mặt tại phiên tòa.

2/ **Trần Quốc T2**, sinh năm 1984 tại Phú Yên; Nơi ĐKNKTT: **B D, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên**; Chỗ ở hiện nay: **Tổ E, khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên**; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: **Trần Ngọc T3** (chết) và mẹ: **Phan Thị Bích P**, sinh năm 1954. Vợ: **Nguyễn Thị Như T**, sinh năm 1995. Có 02 con riêng, sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 02/8/2021, bị **Công an phường P, thành phố T** xử phạt hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2024. Có mặt tại phiên tòa.

3/ **Lê Trung H**, sinh năm 1975 tại Phú Yên; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: **2 T, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Cha: **Lê Trung T4** (chết) và mẹ: **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1947; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2024. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Lê Trung H:** Ông **Nguyễn N** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P**. Có mặt

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **Nguyễn Nhật L1**, sinh năm 1999; Địa chỉ: **Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

2/ Bà **Lê Thị Mộng T5**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **1 L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

3/ Bà **Phan Thị Bích P**, sinh năm 1954; Địa chỉ: **Tổ E, khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

4/ Bà **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **Khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.

5/ Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1960; Địa chỉ: **Khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 05/01/2024, **Lê Trung H** gọi điện thoại cho **Nguyễn Thị Như T** hỏi mua ma túy đá, với giá 300.000 đồng thì **T** đồng ý bán và hẹn **H** đến **đường P thuộc phường I, thành phố T** để giao ma túy. **H** điều khiển xe mô tô biển số 78G1-081.06 đến **đường P** chờ **T**. Sau khi thống nhất, **T** lấy 01 bì ma túy của **Trần Quốc T2** (chồng **T**) đang cất giấu tại nhà ở địa chỉ **tổ E, khu phố N, phường I, thành phố T** gói vào trong một tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô biển số 78V1-8668 đến **đường P** để giao ma túy cho **H**. **T** vừa giao ma túy cho **H** và nhận 300.000 đồng thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ trong túi áo **H** đang mặc có 01 bì nilon trong suốt hàn kín, kích thước (3,3 x 0,9) cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng. **H** khai số ma túy này **H** mua của **T** với giá 300.000 đồng nhằm mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Nguyễn Thị Như T, Trần Quốc T2** tại **tổ E, khu phố N, phường I, thành phố T**, Cơ quan Công an thu giữ: 01 bì nilon trong suốt kích thước (7x4)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 ống thủy tinh dài 20cm, một đầu ống có đường kính 0,4cm và một đầu ống hình cầu có đường kính 1,5cm bên trong đầu hình cầu có chất màu vàng nâu. **T** khai toàn bộ số ma túy bị thu giữ tại nhà do **T** mua của một người tên **Huỳnh Hồng L2** (không rõ lai lịch) vào ngày 03/01/2024 tại **phường P, thành phố T** với giá 1.000.000 đồng đem về cất giấu tại nhà mục đích để sử dụng và bán kiếm lời, **T** không nói cho **T2** biết việc **T** bán ma túy cho người khác. **T2** đồng ý cùng **T** mua ma túy về cất giấu tại nhà mục đích để cùng sử dụng. Kết quả điều tra xác định, ngoài lần bị bắt quả tang, trước đó **T** đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể: ngày 22/12/2023 và ngày 31/12/2023, tại **đường M, phường I, thành phố T**, **T** còn bán cho **Nguyễn Nhật L1** 02 bì ma túy đá với giá 700.000 đồng. Ngày 05/01/2024, **T** bán cho **L1** 01 bì ma túy đá với giá 200.000 đồng, đã nhận tiền nhưng chưa kịp giao ma túy cho **L1** thì **T** bị bắt. Ngày

01/01/2024, tại đường T, phường I, thành phố T, T còn bán cho Lê Trung H 01 bì ma túy đá với giá 300.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 09/KL-KTHS ngày 11/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh P, kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 bì nylon (ký hiệu A₁) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,120 gam; Tinh thể màu trắng trong 01 bì nylon (ký hiệu A₂) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,300 gam; Chất màu vàng nâu bán dính mặt trong đầu hình cầu của ống thủy tinh trong suốt (ký hiệu A₃) là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng.

Bản cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 27/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Thị Như T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Trần Quốc T2 và Lê Trung H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Như T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T với mức án từ 07 năm đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2024; Đối với bị cáo Trần Quốc T2 và bị cáo Lê Trung H, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo T2 và bị cáo H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T2 với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2024; xử phạt bị cáo H với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2024.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo T với số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Tịch thu tiêu hủy gồm:

+ 0,089 gam ma túy loại Methamphetamine; 1,159 gam ma túy loại Methamphetamine (còn lại sau giám định) là vật cấm tàng trữ.

+ 01 hộp giấy màu vàng; 01 cân tiểu ly; 02 kéo bằng kim loại; 01 đầu khò ga; 01 bật lửa bằng kim loại màu vàng; 01 cái gấp bằng kim loại; 01 cái nhíp bằng kim loại; 01 ống nhựa màu đen; 01 ống nhựa trong suốt; 01 thanh kim loại, một đầu nhọn, một đầu móc; 01 đoạn ống nhựa trong suốt có một đầu cắt xéo; 01 bật lửa hiệu thống nhất màu đỏ; 01 bật lửa bằng nhựa màu trắng tím, phần đầu bị tháo rời; 02 nỏ thủy tinh; 01 chai nhựa có nắp đậy màu vàng, trên nắp có 02 lỗ tròn, một lỗ gắn ống nhựa, lỗ còn lại gắn ống thủy tinh trong suốt, có đầu dạng hình cầu vì không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu tím đã cũ, màn hình có vết nứt vỡ của **Nguyễn Thị Như T**; 01 điện thoại di động realme màu xanh đã cũ có nhiều vết nứt vỡ của **Lê Trung H**; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng sử dụng gói ma túy vì đây là công cụ dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Bích P1** 01 xe mô tô biển số 78V1-8668 hiệu Lead màu đỏ và bà **Nguyễn Thị N1** 01 xe mô tô biển số 78G1-08106 màu vàng đen; Trả cho bị cáo **T2** 01 điện thoại di động Iphone màu vàng và 01 camera hiệu You See, bên trong có 01 thẻ nhớ; Trả cho bị cáo **H** 01 ví da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân số 054075000171 và 01 giấy chứng minh nhân dân số 221032098 mang tên **Lê Trung H** không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo **H**, vì đây là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Buộc bị cáo **T** nộp số tiền 1.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy để nộp vào ngân sách nhà nước được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã thu giữ của bị cáo (theo biên lai thu tiền số 0001110 ngày 02/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên) và đề nghị HĐXX tuyên tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000 đồng của bị cáo **T** để bảo đảm cho việc thi hành án.

Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo **Nguyễn Thị Như T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố. Bản thân bị cáo không sử dụng ma túy nhưng bị cáo mua ma túy về nhằm mục đích bán kiếm tiền lời để có tiền trang trải cuộc sống, nuôi dưỡng các con. Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo **Trần Quốc T2**, **Lê Trung H** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố và thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo **Lê Trung H** trình bày: Tôi thống nhất với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị cáo **H** là người có trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Sau khi phạm tội, bị cáo **H** ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do đó tôi đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị Kim A** trình bày: Chiếc xe 78G1-081.06 là của bà **Nguyễn Thị N1**, tôi mượn xe của bà **N1** để đi chợ, sau đó tôi cho bị cáo **H** mượn xe để đi công việc chứ không biết bị cáo **H** đi mua ma túy nên xin HĐXX trả xe lại cho bà **N1**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị N1** trình bày: Chiếc xe 78G1-081.06 là của tôi, tôi cho cháu **Trần Thị Kim A** mượn để đi chợ. Tôi không biết việc cháu **A** cho bị cáo **H** mượn xe, do đó tôi xin HĐXX trả lại xe cho tôi vì đây là phương tiện đi lại chính của gia đình của tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Nhật L1**, bà **Lê Thị Mộng T5**, bà **Nguyễn Thị Bích P1** vắng mặt nên không có lời trình bày. Các bị cáo **Nguyễn Thị Như T**, **Trần Quốc T2**, **Lê Trung H** nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên xin Hội đồng xét xử xem xét

giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Như T, Trần Quốc T2 và Lê Trung H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 05/01/2024, tại đường P, thuộc phường I, thành phố T Nguyễn Thị Như T bán ma túy cho Lê Trung H nhận số tiền 300.000 đồng thì bị bắt quả tang. Khám xét chỗ ở của T thu giữ tổng cộng 1,420 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để bán. Trước đó, trong các ngày 22/12/2023, 31/12/2023, ngày 01/01/2024 và ngày 05/01/2024 tại thành phố T, T đã 03 lần bán ma túy cho Nguyễn Nhật L1 và 01 lần bán cho Lê Trung H thu tổng số tiền là 1.500.000 đồng; Trần Quốc T2 có hành vi tàng trữ 1,300 gam ma túy loại Methamphetamine tại nhà ở tổ E, khu phố N, phường I, thành phố T nhằm mục đích để sử dụng; Lê Trung H có hành vi tàng trữ trên người 0,120 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi của các bị cáo T, T2, H như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng các tệ nạn và tội phạm về ma túy. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo T2 có nhân thân xấu: ngày 02/8/2021, bị Công an phường P, thành phố T xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, lẽ ra bị cáo phải chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, T2, H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ

luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo **T**, **T2**, **H** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; không có tiền án và tiền sự.

Xét mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **T** đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo **H** tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với người tên **Huỳnh Hồng L2** mà bị cáo **Nguyễn Thị Như T** khai đã bán ma túy cho **T**, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng do không xác định được lai lịch nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Đối với hành vi của **Nguyễn Nhật L1** mua ma túy của **Nguyễn Thị Như T** nhằm mục đích tổ chức sử dụng trên địa bàn **huyện T** nên Cơ quan điều tra đã chuyển tin báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, **Nguyễn Thị Như T** khai còn bán ma túy cho **Lê Thị Mộng T5** nhưng **T5** không thừa nhận mua và không tài liệu chứng cứ khác chứng minh nên không có cơ sở xử lý.

Ngoài ra, bị cáo **T** còn khai bán ma túy cho người tên **Lâm C, V** và một số đối tượng khác không rõ địa chỉ, lai lịch nên không có cơ sở xác minh, xử lý.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo **Nguyễn Thị Như T** có thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép ma túy nên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, phạt bổ sung bị cáo **T** số tiền 5.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 0,089 gam ma túy loại Methamphetamine; 1,159 gam ma túy loại Methamphetamine (còn lại sau giám định) là vật cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 hộp giấy màu vàng; 01 cân tiểu ly; 02 kéo bằng kim loại; 01 đầu khò ga; 01 bật lửa bằng kim loại màu vàng; 01 cái gấp bằng kim loại; 01 cái nhíp bằng kim loại; 01 ống nhựa màu đen; 01 ống nhựa trong suốt; 01 thanh kim loại, một đầu nhọn, một đầu móc; 01 đoạn ống nhựa trong suốt có một đầu cắt xéo; 01 bật lửa hiệu thống nhất màu đỏ; 01 bật lửa bằng nhựa màu trắng tím, phần đầu bị tháo rời; 02 nỏ thủy tinh; 01 chai nhựa có nắp đậy màu vàng, trên nắp có 02 lỗ tròn, một lỗ gắn ống nhựa, lỗ còn lại gắn ống thủy tinh trong suốt, có đầu dạng hình cầu vì không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu tím đã cũ, màn hình có vết nứt vỡ của **Nguyễn Thị Như T**; 01 điện thoại di động realme màu xanh đã cũ có nhiều vết nứt vỡ của **Lê Trung H** và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng sử dụng gói ma túy là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu vàng và 01 camera hiệu You See, bên trong có 01 thẻ nhớ của **Trần Quốc T2** là tài sản của bị cáo **T2**, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo **T2**.

+ Đối với 01 ví da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân số 054075000171 và 01 giấy chứng minh nhân dân số 221032098 mang tên **Lê Trung H** là tài sản,

đồ vật của bị cáo **H**, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo **H**.

+ Đối với số tiền 350.000 đồng thu giữ của bị cáo **Nguyễn Thị Như T** (theo biên lai thu tiền số 0001110 ngày 02/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên), trong đó: 300.000 đồng là tiền bị cáo **H** trả tiền mua ma túy cho bị cáo **T** nên được khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng mà bị cáo **T** nộp vào ngân sách nhà nước và 50.000 đồng là tiền sử dụng cá nhân của bị cáo **T** nên trả lại cho bị cáo **T**. Tuy nhiên, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000 đồng của bị cáo **T**.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lead màu đỏ, biển số 78V1-8668, đây là xe mô tô của bà **Phan Thị Bích P** sở hữu, bà **P** không biết việc bị cáo **T** mượn xe của mình để đi bán ma túy nên cần trả lại xe cho bà **P**.

+ Đối với chiếc xe mô tô biển số 78G1-08106 màu vàng đen, là xe mô tô của bà **Nguyễn Thị N1** đứng tên chủ sở hữu, bà **N1** cho bà **Trần Thị Kim A** mượn xe đi chợ, sau đó bà **A** cho bị cáo **H** mượn xe mô tô trên nhưng không biết việc bị cáo **H** mượn xe để đi mua ma túy nên cần trả lại xe cho bà **N1**.

+ Bị cáo **Nguyễn Thị Như T** đã thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng do hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên bị cáo **T** phải nộp số tiền 1.500.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Như T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Như T** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2024.

Tuyên bố các bị cáo **Trần Quốc T2**, **Lê Trung H** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho hai bị cáo **T2**, **H**.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quốc T2** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2024.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Trung H** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2024.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Thị Như T** số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,089 gam ma túy loại Methamphetamine; 1,159 gam ma túy loại Methamphetamine (còn lại sau giám định); 01 (một) hộp giấy màu vàng; 01 (một) cân tiểu ly; 02 (hai) kéo bằng kim loại; 01 (một) đầu khò ga; 01 (một) bật lửa bằng kim loại màu vàng; 01 (một) cái gấp bằng kim loại; 01 (một)

cái nhíp bằng kim loại; 01 (một) ống nhựa màu đen; 01 (một) ống nhựa trong suốt; 01 (một) thanh kim loại, một đầu nhọn, một đầu móc; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt có một đầu cắt xéo; 01 (một) bật lửa hiệu thống nhất màu đỏ; 01 (một) bật lửa bằng nhựa màu trắng tím, phần đầu bị tháo rời; 02 (hai) nỏ thủy tinh; 01 (một) chai nhựa có nắp đậy màu vàng, trên nắp có 02 (hai) lỗ tròn, một lỗ gắn ống nhựa, lỗ còn lại gắn ống thủy tinh trong suốt, có đầu dạng hình cầu vì không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu tím đã cũ, màn hình có vết nứt vỡ của **Nguyễn Thị Như T**; 01 (một) điện thoại di động realme màu xanh đã cũ có nhiều vết nứt vỡ của **Lê Trung H**; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng (hai nghìn đồng) sử dụng gói ma túy.

- Trả cho chủ sở hữu:

+ Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Bích P1** 01 (một) xe mô tô biển số 78V1-8668 hiệu Lead màu đỏ.

+ Trả lại cho bà **Nguyễn Thị N1** 01 (một) xe mô tô biển số 78G1-08106 màu vàng đen.

+ Trả lại cho bị cáo **Trần Quốc T2** 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng và 01 (một) camera hiệu You See, bên trong có 01 (một) thẻ nhớ.

+ Trả lại cho bị cáo **Lê Trung H** 01 (một) ví da màu đen, 01 (một) thẻ căn cước công dân số 054075000171 và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 221032098 mang tên **Lê Trung H**.

- Buộc bị cáo **Nguyễn Thị Như T** nộp số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền thu lợi bất chính do hành vi mua bán trái phép chất ma túy để nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo **Nguyễn Thị Như T** đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001110 ngày 02/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) (số tiền còn lại sau khi trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) phải nộp vào ngân sách nhà nước) của bị cáo **Nguyễn Thị Như T** đã nộp biên lai thu tiền số 0001110 ngày 02/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

(Tất cả các vật chứng nêu trên đều theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo **Nguyễn Thị Như T**, **Trần Quốc T2**, **Lê Trung H** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Phú Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- Công an Tp T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Tân Sang